

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 227/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 7 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn, con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tám.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thúy Loan.
2. Ông Trần Văn Nghiệm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Thanh Sang –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang*** tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về “*Tranh chấp ly hôn, con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/5/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp T, xã B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Thanh Đ, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G.

(*Anh T có mặt, chị N vắng mặt, ông Điền có đơn xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày và yêu cầu:

Về hôn nhân: Anh T và chị N chung sống với nhau vào năm 2001, không đăng ký kết hôn. Đến đầu năm 2014 phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nguyên nhân do chị N có quan hệ tình cảm và đi sống với người đàn ông khác. Anh chị đã sống ly thân từ đầu tháng 03/2014 đến nay, anh T xác định về tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 04 con chung tên Nguyễn Văn Trường Hận sinh ngày 16/9/2001, Nguyễn Thị Hồng Bỉ, sinh ngày 18/5/2004, Nguyễn Thị Hồng Yến, sinh ngày 14/9/2006 và Nguyễn Văn Trường An, sinh ngày 27/8/2008. Các con đang do anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ: Nợ Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G số tiền 7.000.000đ. Anh T xin ngân hàng cho tiếp tục trả theo kỳ hạn như hợp đồng tín dụng đã ký.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N đã được Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng vắng mặt không có lý do, nên không thể hiện được ý kiến chị N đối với yêu cầu của anh T trong hồ sơ vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G trình bày: Anh Nguyễn Văn T có vay ngân hàng số tiền 7.000.000đ, ngân hàng tự thỏa thuận với anh T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng tuân theo đúng pháp luật tố tụng.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị N, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ kết quả tranh tụng và các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xác định quan hệ tranh chấp: Vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung được quy định tại Khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt không lý do, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Ông Điền có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N, ông Điền.

[3] Xét về hôn nhân: Quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị N vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của chị N trong hồ sơ vụ án.

Anh T và chị N chung sống với nhau từ năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình sống chung đến năm 2014 chị N quan hệ tình cảm với người đàn ông khác và đã ly thân cho đến nay, anh chị không cùng nhau khắc phục, mà để việc ly thân kéo dài. Điều này chứng tỏ về tình cảm giữa anh T và chị N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh T xin ly hôn là chưa phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 mà cần không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng N là vợ chồng mới phù hợp Điều 53 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Có 04 con chung tên Nguyễn Văn Trường Hận sinh ngày 16/9/2001, Nguyễn Thị Hồng Bỉ, sinh ngày 18/5/2004, Nguyễn Thị Hồng Yên, sinh ngày 14/9/2006 và Nguyễn Văn Trường An, sinh ngày 27/8/2008. Hội đồng xét xử xét thấy, các con đang sống chung với anh T và anh T chăm sóc vẫn đảm bảo để các con phát triển bình thường, hơn nữa theo tờ tự khai ngày 15/4/2019 các con cũng có nguyện vọng sống với anh T. Do đó, để ổn định về mọi mặt của các con, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Hận, Bỉ, Yên và An cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về nợ chung: Ngân hàng C - Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện G không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì anh T phải chịu án phí theo quy định nhưng anh T thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí nên anh T không phải chịu án phí.

[9] Xét ý kiến Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ T,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; Điều 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 14, 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, 58, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Hồng N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Trường Hận sinh ngày 16/9/2001, Nguyễn Thị Hồng Bỉ, sinh ngày 18/5/2004, Nguyễn Thị Hồng Yên, sinh ngày

14/9/2006 và Nguyễn Văn Trường An, sinh ngày 27/8/2008 cho Nguyễn Văn T được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Hồng N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Hoàn lại anh Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh T đã nộp theo biên lai thu số 40185 ngày 09/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo trình tự phúc thẩm, đối với đương sự vắng mặt được tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Tám